

NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO BỘ TÀI CHÍNH TRONG NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH VÀ CHUẨN BỊ VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM SÀN GIAO DỊCH TÍN CHỈ CÁC-BON TẠI VIỆT NAM

**Sản phẩm bàn giao số 2: Báo cáo về đề xuất mô hình hoạt động
cho sàn giao dịch các-bon trong giai đoạn thí điểm tại Việt Nam**

Tháng 11 năm 2025

1. Giới thiệu Sản phẩm bàn giao số 2
2. Rà soát các hệ thống giao dịch Các-bon quốc tế
3. Bối cảnh quốc gia và các khuôn khổ liên quan
4. Mô hình vận hành sàn giao dịch các-bon đề xuất trong dự thảo Nghị định
5. Khoảng trống và thách thức
6. Khuyến nghị

1. Giới thiệu Sản phẩm bàn giao số 2 (1)

- **Mục tiêu:** Mục tiêu chính của Báo cáo này (Sản phẩm bàn giao số 2) là cung cấp phân tích chuyên sâu, đưa ra các khuyến nghị mang tính xây dựng và dựa trên bằng chứng nhằm hoàn thiện và củng cố dự thảo mới nhất của Nghị định về Sàn giao dịch các-bon trong nước (tính đến tháng 7 năm 2025). Mục tiêu cao nhất là hỗ trợ Bộ Tài chính bảo đảm mô hình Sàn giao dịch các-bon (CTX) của Việt Nam khi được triển khai sẽ vận hành hiệu quả, bền vững và phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất..
- **Phạm vi:** Mô hình bao gồm các nội dung trọng tâm sau:
 - Khung quản trị và cơ sở hạ tầng
 - Khung vận hành và quy trình
 - Khung giám sát và báo cáo
 - Khung ổn định thị trường và quản lý rủi ro
- **Phương pháp luận**
 - Rà soát thông lệ quốc tế về quản lý, cơ chế giao dịch và quy trình giám sát; tham vấn sâu rộng với các bên liên quan trong nước
 - Mô hình đồng thời đánh giá, lựa chọn và điều chỉnh các thông lệ quốc tế phù hợp với bối cảnh đặc thù của Việt Nam, dựa trên kết quả tham vấn trực tiếp với các cơ quan nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp.
- **Sản phẩm**
 - Cung cấp cơ sở quan trọng để Bộ Tài chính hoàn thiện thị trường các-bon tại Việt Nam;
 - Xác định rõ vai trò của các cơ quan, chức năng giám sát và các chiến lược giảm thiểu rủi ro;
 - Bảo đảm Sàn giao dịch các-bon thí điểm vận hành hiệu quả, minh bạch, trách nhiệm giải trình cao và phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Rà soát các hệ thống giao dịch các-bon quốc tế (1)

Hệ thống giao dịch phát thải của Vương quốc Anh

- **Tổng quan**
 - Được triển khai từ năm **2021**; hỗ trợ mục tiêu Net Zero vào năm 2050.
 - Phạm vi bao phủ các lĩnh vực điện lực, công nghiệp và hàng không nội địa (khoảng 1/3 tổng lượng phát thải).
 - Hạn ngạch phát thải giảm dần (ban đầu thấp hơn 5% so với EU ETS); hệ thống độc lập nhưng có khả năng liên kết (đã công bố việc liên kết UK-EU năm 2025).
- **Cập nhật 2024 - 2025**
 - Hạn ngạch được **siết chặt thêm 30%** (giai đoạn 2021–2030); phát thải từ **156 xuống còn khoảng 50 triệu tấn CO₂e**.
 - Phát hành 53,5 triệu hạn ngạch; mở rộng phạm vi điều chỉnh (chất thải, hàng hải, hoạt động loại bỏ khí nhà kính).
 - Điều chỉnh phân bổ miễn phí; bảo đảm phù hợp với cơ chế CBAM của Vương quốc Anh.
 - Tăng cường các công cụ ổn định thị trường: CCM, ARP, SAM.
 - Hạn ngạch được coi là công cụ tài chính.
- **Cơ sở pháp lý và vận hành**
 - Cơ sở pháp lý: Lệnh UK ETS năm 2020
 - Thể chế liên quan: Cơ quan UK ETS Authority, Cơ quan Quản lý Tài chính (FCA), Sở Giao dịch ICE, và Hệ thống đăng ký (Registry).
 - Giao dịch thực hiện thông qua đấu giá, giao dịch trên sàn và giao dịch song phương (OTC); thanh toán bù trừ thông qua CCP; giám sát theo các quy định của MAR.
- **Bài học cho Việt Nam**
 - Xây dựng sơ đồ chức năng giữa các cơ quan: SSC – HNX – VSDC.
 - Thiết lập quy chế phối hợp liên cơ quan.
 - Bảo đảm rõ ràng về pháp lý: hạn ngạch = tài sản tài chính.
 - Áp dụng ARP/CCM ngay từ giai đoạn đầu.
 - Thiết lập thỏa thuận mức dịch vụ kỹ thuật (SLA) giữa hệ thống đăng ký – giao dịch – thanh toán bù trừ.

2. Rà soát các hệ thống giao dịch các-bon quốc tế (2)

Hệ thống giao dịch phát thải của Liên minh Châu Âu

- **Tổng quan**

- Được thiết lập từ năm 2005 → là hệ thống ETS lớn nhất và lâu đời nhất trên thế giới; là trụ cột của chính sách khí hậu Liên minh Châu Âu.
- Bao phủ các lĩnh vực điện lực, công nghiệp và hàng không nội khối EU (khoảng 40% tổng lượng phát thải của EU).
- Gồm bốn giai đoạn: Giai đoạn thí điểm (I), điều chỉnh theo Nghị định thư Kyoto (II), áp dụng hạn ngạch tập trung và Cơ chế Dự trữ Ổn định Thị trường – MSR (III), siết chặt theo gói Fit-for-55 và bổ sung ETS2 (IV).

- **2024–2025 updates**

- Điều chỉnh đường cơ sở hạn ngạch: giảm 90 triệu hạn ngạch (2024) và giảm thêm 27 triệu hạn ngạch (2026); tăng hệ số giảm tuyến tính (LRF) → giảm 62% vào năm 2030 (so với mức phát thải năm 2005).
- Mở rộng phạm vi điều chỉnh: lĩnh vực hàng hải (2024); giảm 25% phân bổ miễn phí cho hàng không (2024) và triển khai MRV đối với khí không phải CO₂ (2025). ETS2 (cho các lĩnh vực xây dựng và giao thông đường bộ) sẽ được triển khai từ năm 2027.
- CBAM sẽ thay thế cơ chế phân bổ miễn phí cho ngành công nghiệp từ năm 2026.
- Cơ chế MSR tiếp tục duy trì sự ổn định giá; đấu giá thu về 43 tỷ Euro trong năm 2023.
- Dự thảo liên kết ETS EU – UK đã đạt đồng thuận về nguyên tắc (2025).

- **Khung pháp lý và thể chế**

- Cơ sở pháp lý: Chỉ thị 2003/87/EC và các lần sửa đổi, bổ sung (năm 2009; Quyết định về MSR 2015; Luật Khí hậu Châu Âu 2021; gói Fit-for-55).
- Các cơ quan chủ chốt: Ủy ban Châu Âu (EC), Cơ quan có thẩm quyền quốc gia của các quốc gia thành viên (NCA), ESMA, Sàn Giao dịch EEX/ECC, Hệ thống đăng ký của Liên minh (Union Registry/EUTL).
- Hạn ngạch được coi là công cụ tài chính → chịu sự giám sát theo MiFID II và MAR.

- **Vận hành và hạ tầng thị trường**

- Giao dịch: đấu giá trên EEX; thị trường thứ cấp có tính thanh khoản cao (giao ngay và phái sinh); giao dịch song phương (OTC) với nghĩa vụ báo cáo sau giao dịch.
- Hệ thống đăng ký: Hệ thống Đăng ký Liên minh (Union Registry) và Hệ thống ghi nhận giao dịch EUTL (bảo đảm minh bạch đầy đủ).
- Kiểm soát rủi ro: thanh toán bù trừ thông qua CCP, yêu cầu ký quỹ (margin), báo cáo theo EMIR, giám sát thị trường do ESMA và ACER thực hiện.
- MSR và Điều 29a = các cơ chế ổn định dựa trên quy tắc (rules-based stability mechanisms).

- **Bài học cho Việt Nam**

- Tránh phân bổ thừa: củng cố dữ liệu đường cơ sở; xem xét hệ số điều chỉnh và giai đoạn xác minh.
- Sớm bảo đảm rõ ràng về pháp lý: phân loại hạn ngạch là tài sản tài chính và đặt dưới sự giám sát của SSC.
- Thiết lập cơ chế phối hợp liên cơ quan chính thức (MAE – MOF – SSC – HNX – VSDC) để tránh phân mảnh chức năng.
- Áp dụng sớm các công cụ ổn định đơn giản (ARP + CCM).
- Tăng cường tuân thủ và minh bạch: quy định xử phạt, quy tắc “bổ sung đủ hạn ngạch” (make-good rule), bảng thông tin công khai của hệ thống đăng ký.

2. Rà soát các hệ thống giao dịch các-bon quốc tế (3)

Hệ thống giao dịch phát thải của New Zealand

- **Tổng quan**
 - Được triển khai từ năm 2008; là hệ thống ETS cấp quốc gia đầu tiên bao phủ tất cả các ngành và tất cả các loại khí nhà kính.
 - Hỗ trợ mục tiêu Trung hòa các-bon vào năm 2050 theo Đạo luật Không Các-bon (Zero các-bon Act) năm 2019.
 - Bao phủ khoảng 50% tổng lượng phát thải quốc gia; lĩnh vực lâm nghiệp là nguồn cung chính.
 - Một số vấn đề giai đoạn đầu: tín hiệu giá yếu, cơ chế bù trừ không giới hạn, nguồn cung tín chỉ từ lâm nghiệp lớn → gây biến động và méo mó thị trường.
- **Cập nhật 2024, 2025**
 - Hạn ngạch được siết chặt: hạn ngạch năm 2025 = 19,1 triệu NZUs (giảm từ 27,9 triệu).
 - Giá sàn đấu giá = 68 NZD, ngưỡng CCR = 193 NZD; các đơn vị không bán được sẽ bị hủy.
 - Cập nhật đường cơ sở phân bổ miễn phí; lĩnh vực nông nghiệp được đưa ra khỏi ETS (áp dụng cơ chế định giá ở cấp trang trại từ năm 2030).
 - Đánh giá lại tác động của khí mê-tan nhằm phục vụ xây dựng mục tiêu tương lai.
- **Khung pháp lý và thể chế**
 - Dựa trên Đạo luật Ứng phó Biến đổi Khí hậu (Climate Change Response Act) năm 2002, sửa đổi năm 2020 và 2019.
 - Các cơ quan chủ chốt: Bộ Môi trường (MfE), Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA), Bộ Công nghiệp Cơ bản (MPI), Bộ Tài chính (Treasury), và Ủy ban Biến đổi Khí hậu.
 - NZUs là đơn vị tuân thủ duy nhất; hệ thống đăng ký do EPA vận hành.

- **Vận hành và hạ tầng**
 - Đấu giá theo quý (NZX/EEX); thị trường thứ cấp dựa trên giao dịch OTC; cơ chế ghi nhận tín chỉ lâm nghiệp mạnh.
 - Hệ thống NZETR theo dõi toàn bộ đơn vị phát thải; thanh toán gần thời gian thực.
 - Giám sát thị trường chủ yếu do EPA thực hiện; không phân loại hạn ngạch như công cụ tài chính..
 - Công cụ ổn định thị trường: ARP (giá sàn), CCR (giá trần), cơ chế rút lại khối lượng đấu giá.
- **Bài học cho Việt Nam**
 - Kiểm soát chất lượng và khối lượng tín chỉ bù trừ, đặc biệt là tín chỉ từ lâm nghiệp.
 - Áp dụng ARP và CCR ngay từ giai đoạn đầu để ổn định giá.
 - Tận dụng hạ tầng thị trường chứng khoán mạnh của Việt Nam → trao quyền cho SSC – HNX – VSDC.
 - Thiết lập quy chế phối hợp liên cơ quan rõ ràng để tránh phân mảnh chức năng.

2. Rà soát các hệ thống giao dịch các-bon quốc tế (4)

Hệ thống giao dịch phát thải của California

- **Tổng quan**
 - Được triển khai từ năm 2013 theo Đạo luật AB 32; được tăng cường bởi SB 32 và AB 398.
 - Mục tiêu: giảm 40% so với mức năm 1990 vào năm 2030, đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2045.
 - Bao phủ khoảng 80% tổng lượng phát thải toàn bang; mở rộng phạm vi từ điện lực/công nghiệp → nhiên liệu và cung ứng khí đốt (từ năm 2015).
 - Liên kết với Québec trong khuôn khổ WCI; tổ chức đấu giá chung.
- **Diễn biến mới nhất (2024 – 2025)**
 - Các đề xuất cải cách siết chặt hạn ngạch (giai đoạn 2026–2045), giảm phân bổ miễn phí, cập nhật quy định về tín chỉ bù trừ.
 - Tăng giá trần và các ngưỡng kích hoạt dự trữ → tạo tín hiệu giá mạnh hơn.
 - Quan tâm đến khả năng mở rộng liên kết sang bang Washington.
 - Doanh thu đấu giá vượt 5 tỷ USD (năm 2024) phục vụ các chương trình khí hậu và công bằng xã hội.
- **Khung pháp lý & Thể chế**
 - Dựa trên AB 32, SB 32 và AB 398.
 - CARB là cơ quan quản lý chủ trì (xây dựng hạn ngạch, phân bổ, bảo đảm tuân thủ).
 - WCI, Inc. vận hành các phiên đấu giá và hệ thống đăng ký CITSS.
 - Các tổ chức đăng ký độc lập chứng nhận tín chỉ bù trừ.

- **Vận hành và hạ tầng**
 - Đấu giá chung theo quý (hình thức đặt giá kín).
 - Thị trường thứ cấp hoạt động mạnh thông qua ICE, Nodal, CME và giao dịch OTC.
 - Hệ thống CITSS theo dõi việc phát hành, chuyển nhượng và nộp lại hạn ngạch; bảo đảm thanh toán điện tử an toàn.
 - Cơ chế liên kết → hạn ngạch có thể thay thế lẫn nhau và tăng tính thanh khoản.
- **Cơ chế ổn định thị trường**
 - ARP (giá sàn) tăng hằng năm.
 - APCR (giá trần mềm với các ngưỡng kích hoạt theo nhiều tầng).
 - Giá trần cứng áp dụng trong các trường hợp đặc biệt.
- **Bài học cho Việt Nam**
 - Thiết lập hạn mức năm giữ để ngăn ngừa tập trung thị trường.
 - Áp dụng cơ chế khung giá (price collar) với ARP và dự trữ theo tầng để ổn định biến động ở giai đoạn đầu.
 - Thành lập ủy ban tư vấn kỹ thuật độc lập nhằm tăng cường tính tin cậy chính sách.
 - Xây dựng cơ chế công khai dữ liệu: bảng thông tin (dashboard) về giao dịch, đấu giá và tuân thủ.

2. Rà soát các hệ thống giao dịch các-bon quốc tế (5)

Hệ thống giao dịch phát thải của Hàn Quốc

• Tổng quan

- Hệ thống ETS cấp quốc gia đầu tiên tại Châu Á, được triển khai từ năm 2015 theo Luật Giao dịch Phát thải (Emissions Trading Act).
- Hỗ trợ các mục tiêu: giảm 40% so với mức phát thải năm 2018 vào năm 2030, đạt trung hòa các-bon vào năm 2050.
- Bao phủ khoảng 70% tổng lượng khí nhà kính quốc gia (điện lực, công nghiệp, công trình xây dựng, hàng không).

- Các giai đoạn phát triển: Giai đoạn I (2015–2017): giai đoạn thí điểm, gần như phân bổ miễn phí hoàn toàn; Giai đoạn II (2018–2020): bắt đầu đấu giá, hạn ngạch chặt chẽ hơn; Giai đoạn III (2021–2025): tăng tỷ lệ đấu giá, siết chặt chế tài, cho phép các tổ chức tài chính tham gia; Giai đoạn IV (từ 2026): hạn ngạch chặt hơn, mở rộng phạm vi, áp dụng cơ chế ổn định kiểu EU.

• Các diễn biến mới nhất (2024–2025)

- Sửa đổi Luật tháng 2/2024 (có hiệu lực từ tháng 2/2025): mở rộng đối tượng tham gia bao gồm ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty quản lý quỹ; bổ sung cơ sở pháp lý cho các công ty môi giới và sàn giao dịch. Quy định chặt hơn về dư thừa hạn ngạch: ngưỡng hủy bỏ giảm từ 50% xuống 15% lượng hạn ngạch không sử dụng.
- Kế hoạch Cơ bản lần thứ tư (tháng 12/2024) cho giai đoạn 2026–2035: tăng tỷ lệ đấu giá (đặc biệt trong lĩnh vực điện lực). Áp dụng hệ thống đường cơ sở dựa trên sản lượng cho phân bổ miễn phí (tương đương 75% lượng phát thải thuộc phạm vi điều chỉnh). Áp dụng cơ chế ổn định thị trường tự động; mở rộng đối tượng đủ điều kiện tham gia đấu giá; linh hoạt hơn trong cơ chế chuyển đổi (banking). Doanh thu đấu giá được dành cho hoạt động giảm phát thải trong công nghiệp và đổi mới công nghệ.

• Khung pháp lý và thể chế

- Nền tảng pháp lý gồm: Luật Tăng trưởng Xanh, Luật Trung hòa Các-bon và Luật Giao dịch Phát thải (năm 2012, sửa đổi năm 2024).
- Các hệ thống chính: NGMS (dữ liệu phát thải), ETRS (hạn ngạch), ORS (tín chỉ bù trừ).
- Các thiết chế chủ chốt: Bộ Môi trường (MoE – cơ quan quản lý chủ trì), Bộ Kinh tế & Tài chính (MoEF), GIR, K-eco, Sở Giao dịch Chứng khoán Hàn Quốc (KRX), cùng với các đơn vị phải tuân thủ, các nhà phát triển dự án và các nhà tạo lập thị trường.

• Vận hành, giám sát và chế tài

- ETRS/ORS theo dõi toàn bộ hạn ngạch và tín chỉ bù trừ.
- Giám sát tích hợp (NGMS + ETRS + KRX). Minh bạch cao (dữ liệu thị trường, đấu giá, hệ thống đăng ký).
- Chế tài: tối đa 3 lần giá thị trường (trên 100.000 KRW/tCO₂e); các hình thức xử lý vi phạm mới.

• Bài học cho Việt Nam

- Xem giai đoạn thí điểm CTX như giai đoạn chuẩn bị MRV (tập trung vào chất lượng dữ liệu và năng lực, không nhằm tối đa hóa khối lượng giao dịch).
- Thiết lập Trung tâm Hỗ trợ Sàn giao dịch các-bon quốc gia (National CTX Helpdesk) để hỗ trợ doanh nghiệp (tương tự mô hình hỗ trợ/knowledge hub của Hàn Quốc).
- Áp dụng khung tiếp cận theo giai đoạn, thích ứng linh hoạt với yêu cầu rà soát bắt buộc đối với giai đoạn thí điểm, bảo đảm có không gian pháp lý để siết chặt hạn ngạch, bổ sung đấu giá và điều chỉnh quy định.
- Xây dựng khung pháp lý rõ ràng, ổn định cùng Quy chế Phối hợp Liên cơ quan chính thức (MAE – MOF – SSC – HNX – VSDC), tương tự mô hình phân định chức năng rõ ràng của Hàn Quốc.

2. Rà soát các hệ thống giao dịch các-bon quốc tế (6)

Hệ thống giao dịch phát thải của Trung Quốc

✓ Tổng quan

- Hệ thống ETS lớn nhất thế giới; được triển khai từ năm 2021; là trụ cột để đạt mục tiêu đạt đỉnh phát thải vào năm 2030 và trung hòa các-bon vào năm 2060.
- Bao phủ trước tiên lĩnh vực điện lực; mở rộng sang thép, xi măng, nhôm (năm 2025) → tổng quy mô khoảng 8 tỷ tấn CO₂ (tương đương khoảng 60% phát thải quốc gia).
- Áp dụng hạn ngạch theo cường độ (rate-based) dựa trên định mức chuẩn của từng ngành; phân bổ miễn phí 100%.
- Tỷ lệ tuân thủ cao (>99,5%); giá ổn định (~40–100 CNY).

✓ Các diễn biến mới nhất (2024–2025)

- Mở rộng phạm vi điều chỉnh bổ sung khoảng 1.500 doanh nghiệp và 3 tỷ tấn CO₂.
- Ban hành quy định về cơ chế chuyển đổi (banking) gồm mức cơ bản và cơ chế gắn với giao dịch.
- Quy định tạm thời về ETS (2024) tăng cường thẩm quyền pháp lý và chế tài.

✓ Khung pháp lý và thể chế

- Khung pháp lý nhiều cấp: Quy định Tạm thời → Các biện pháp quản lý hành chính → Quy chế về Giao dịch/Đăng ký/Thanh toán.
- Các thể chế cốt lõi:
 - **MEE** – cơ quan quản lý cấp quốc gia (xây dựng hạn ngạch, định mức, thực thi);
 - **Cơ quan cấp tỉnh** – thực hiện thẩm tra và giám sát thực thi tại địa phương;
 - **SEEE** – sở giao dịch quốc gia (giao dịch, giám sát thị trường);
 - **CCERC** – hệ thống đăng ký quốc gia (quản lý quyền sở hữu và thanh toán).

✓ Vận hành và hạ tầng thị trường

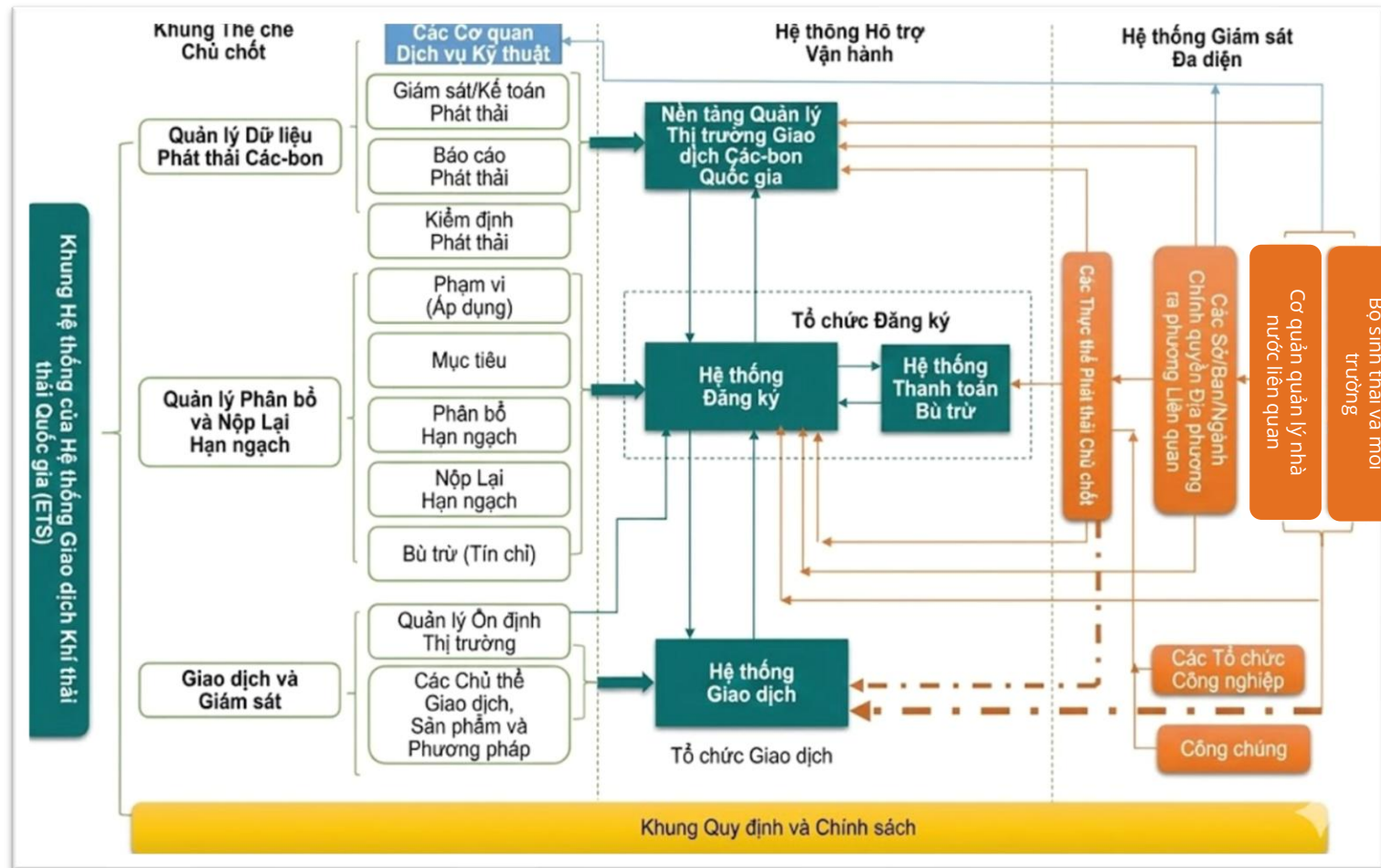
- Mô hình hai trung tâm: SEEE (giao dịch) + CCERC (đăng ký/thanh toán).
- Các phương thức giao dịch: giao dịch niêm yết, giao dịch lô lớn, đấu giá một chiều (T+1).
- Cơ chế kiểm soát rủi ro: biên độ giá $\pm 10\%/\pm 30\%$, cơ chế báo cáo đối với nhà giao dịch lớn, hệ thống phát hiện giao dịch bất thường.
- Công cụ ổn định thị trường: tín chỉ bù trừ (tối đa 5%), cơ chế chuyển đổi (banking), và dự trữ chiến lược trong tương lai..

✓ Bài học cho Việt Nam

- Xây dựng hệ thống pháp lý theo thứ bậc chặt chẽ (Nghị định → Thông tư).
- Mô hình tập trung (HNX + VSDC + NRS) được chứng minh hiệu quả qua kinh nghiệm của Trung Quốc.
- Cơ chế phân bổ theo cường độ phù hợp với các nền kinh tế tăng trưởng nhanh.
- Hỗ trợ phát hiện giá giai đoạn đầu thông qua đối thoại có định hướng với các doanh nghiệp nhà nước (SOE).
- Sử dụng sổ giao dịch có liên kết với Nhà nước để bảo đảm sự phù hợp với mục tiêu chính sách khí hậu.

2. Rà soát các hệ thống giao dịch các-bon quốc tế (7)

Hệ thống giao dịch phát thải của Trung Quốc



Khung hệ thống của Chương trình trao đổi hạn ngạch phát thải quốc gia của Trung Quốc

2. Rà soát các hệ thống giao dịch các-bon quốc tế (8)

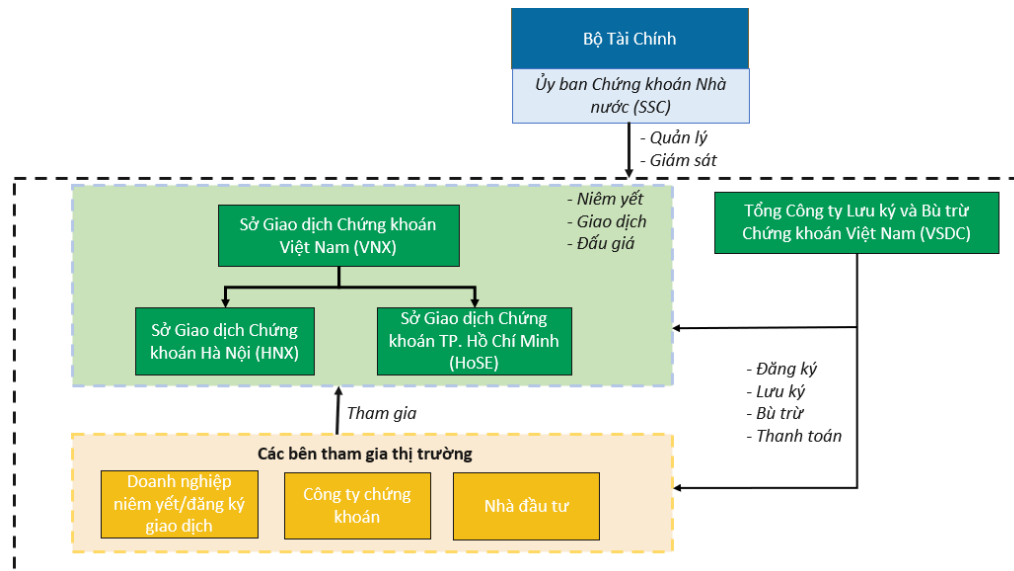
Tóm tắt các bài học kinh nghiệm từ các mô hình ETS quốc tế và khả năng áp dụng đối với Việt Nam

Mô hình ETS	Bài học chính	Lý do/mức độ liên quan trực tiếp đến Việt Nam	Gợi ý hành động cụ thể cho Việt Nam
ETS Vương quốc Anh	Tận dụng hạ tầng tài chính sẵn có để triển khai nhanh và hiệu quả về chi phí.	Chiến lược của Việt Nam sử dụng HNX và VSDC phù hợp hoàn toàn với thực tiễn này, tránh chi phí cao và thời gian dài khi xây dựng hệ thống mới.	Chính thức hóa phân công thể chế: Việt Nam cần quy định rõ SSC giám sát thị trường, HNX thực hiện giao dịch/đấu giá, và VSDC chịu trách nhiệm thanh toán/bù trừ.
	Tận dụng hạ tầng tài chính sẵn có để triển khai nhanh và hiệu quả về chi phí.	Chiến lược của Việt Nam sử dụng HNX và VSDC phù hợp hoàn toàn với thực tiễn này, tránh chi phí cao và thời gian dài khi xây dựng hệ thống mới.	Chính thức hóa phân công thể chế: Việt Nam cần quy định rõ SSC giám sát thị trường, HNX thực hiện giao dịch/đấu giá, và VSDC chịu trách nhiệm thanh toán/bù trừ.
ETS Liên minh Châu Âu	(Bài học cảnh báo) Phân bổ quá mức trong giai đoạn thí điểm do dữ liệu đường cơ sở yếu dẫn đến sụt giá và giảm uy tín thị trường.	Thị trường thí điểm của Việt Nam dựa nhiều vào dữ liệu doanh nghiệp mới thu thập, có nguy cơ thiếu sót hoặc không chính xác, tương tự thách thức ban đầu của EU.	Tích hợp “hệ số điều chỉnh thận trọng” vào phương pháp phân bổ ban đầu và yêu cầu giai đoạn xác minh dữ liệu chính thức trước chu kỳ tuân thủ đầu tiên.
	(Bài học cảnh báo) Phân bổ quá mức trong giai đoạn thí điểm do dữ liệu đường cơ sở yếu dẫn đến sụt giá và giảm uy tín thị trường.	Thị trường thí điểm của Việt Nam dựa nhiều vào dữ liệu doanh nghiệp mới thu thập, có nguy cơ thiếu sót hoặc không chính xác, tương tự thách thức ban đầu của EU.	Tích hợp “hệ số điều chỉnh thận trọng” vào phương pháp phân bổ ban đầu và yêu cầu giai đoạn xác minh dữ liệu chính thức trước chu kỳ tuân thủ đầu tiên.
ETS New Zealand	(Bài học cảnh báo) Nguồn cung tín chỉ bù trừ không kiểm soát (đặc biệt từ rừng) có thể làm bão hòa thị trường và kéo giảm giá các-bon, làm suy yếu nỗ lực giảm phát thải.	(Bài học cảnh báo) Nguồn cung tín chỉ bù trừ không kiểm soát (đặc biệt từ rừng) có thể làm bão hòa thị trường và kéo giảm giá các-bon, làm suy yếu nỗ lực giảm phát thải.	(Bài học cảnh báo) Nguồn cung tín chỉ bù trừ không kiểm soát (đặc biệt từ rừng) có thể làm bão hòa thị trường và kéo giảm giá các-bon, làm suy yếu nỗ lực giảm phát thải.
ETS California	Quản lý chủ động rủi ro tập trung thị trường bằng giới hạn nắm giữ định lượng để ngăn thao túng của các doanh nghiệp lớn.	Thị trường thí điểm Việt Nam nhỏ và có thể bị chi phối bởi một vài doanh nghiệp nhà nước lớn (SOEs), tạo nguy cơ tập trung thị trường cao.	Xác định giới hạn nắm giữ định lượng trong quy định vận hành CTX để đảm bảo tiếp cận công bằng và ngăn đầu cơ.
	Quản lý chủ động rủi ro tập trung thị trường bằng giới hạn nắm giữ định lượng để ngăn thao túng của các doanh nghiệp lớn.	Thị trường thí điểm Việt Nam nhỏ và có thể bị chi phối bởi một vài doanh nghiệp nhà nước lớn (SOEs), tạo nguy cơ tập trung thị trường cao.	Xác định giới hạn nắm giữ định lượng trong quy định vận hành CTX để đảm bảo tiếp cận công bằng và ngăn đầu cơ.
ETS Hàn Quốc	Giai đoạn MRV chuẩn bị và bắt buộc (Target Management System) trước khi ETS chính thức vận hành giúp đảm bảo chất lượng dữ liệu và năng lực doanh nghiệp.	Giai đoạn MRV chuẩn bị và bắt buộc (Target Management System) trước khi ETS chính thức vận hành giúp đảm bảo chất lượng dữ liệu và năng lực doanh nghiệp.	Giai đoạn MRV chuẩn bị và bắt buộc (Target Management System) trước khi ETS chính thức vận hành giúp đảm bảo chất lượng dữ liệu và năng lực doanh nghiệp.
ETS Trung Quốc	Phân bổ dựa trên cường độ (tCO ₂ /đơn vị sản phẩm) phù hợp với các nền kinh tế đang phát triển, cân bằng mục tiêu khí hậu và tăng trưởng công nghiệp.	Việt Nam – nền kinh tế đang phát triển – đối mặt thách thức tương tự về tránh trần phát thải cứng có thể làm giảm sản lượng.	Cân nhắc mô hình phân bổ theo cường độ cho các ngành công nghiệp lớn nhằm bảo đảm linh hoạt và bảo vệ tăng trưởng.
	Phân bổ dựa trên cường độ (tCO ₂ /đơn vị sản phẩm) phù hợp với các nền kinh tế đang phát triển, cân bằng mục tiêu khí hậu và tăng trưởng công nghiệp.	Việt Nam – nền kinh tế đang phát triển – đối mặt thách thức tương tự về tránh trần phát thải cứng có thể làm giảm sản lượng.	Cân nhắc mô hình phân bổ theo cường độ cho các ngành công nghiệp lớn nhằm bảo đảm linh hoạt và bảo vệ tăng trưởng.

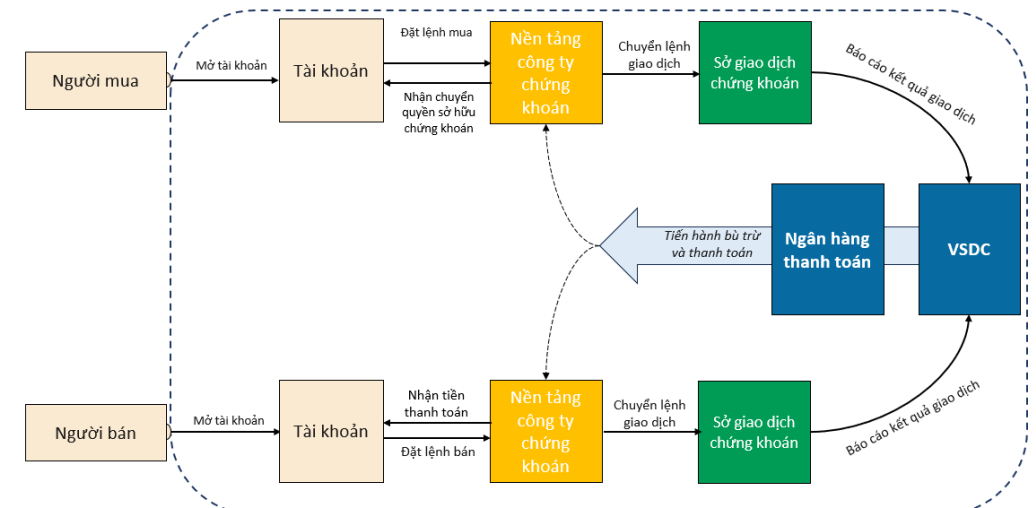
3. Bối cảnh quốc gia và các khuôn khổ liên quan (1)

Đánh giá mô hình vận hành của thị trường chứng khoán quốc gia

- ✓ Mô hình thị trường chứng khoán cung cấp nền tảng pháp lý và kỹ thuật vững chắc cho việc phát triển Sàn giao dịch các-bon (CTX), với lợi thế từ hơn 20 năm xây dựng hạ tầng về giao dịch, bù trừ, thanh toán và giám sát thị trường. Việc tận dụng HNX và VSDC giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai, giảm chi phí và hạn chế rủi ro vận hành.
- ✓ Tuy nhiên, CTX có những khác biệt cơ bản so với thị trường chứng khoán: đơn vị các-bon là **công cụ tuân thủ**, không phải chứng khoán tài chính; hệ thống phải được **tích hợp chặt chẽ** với Hệ thống Đăng ký quốc gia (NRS); và phải bổ sung các chức năng đặc thù của ETS như **nộp lại (surrender)**, **chuyển đổi (banking)** và **vay mượn (borrowing)**. Bên cạnh đó, hành vi thị trường mang tính **tuân thủ nghĩa vụ** thay vì hướng tới đầu tư tài chính, đòi hỏi điều chỉnh phương pháp giám sát, quản lý rủi ro và bảo đảm thanh khoản.
- ✓ Vì vậy, mặc dù thị trường chứng khoán là nền tảng quan trọng, **cần có các điều chỉnh trọng tâm để đáp ứng các yêu cầu đặc thù của thị trường các-bon.**



Cơ cấu tổ chức thể chế của Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam



Yêu cầu về hạ tầng của Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam

3. Bối cảnh quốc gia và các khuôn khổ liên quan (2)

Khung pháp lý và thể chế cho thị trường các-bon và Sàn giao dịch các-bon (CTX) tại Việt Nam

Cơ sở pháp lý và quá trình hoàn thiện	Lộ trình triển khai
Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 1 năm 2022 về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Nghị định nền tảng này đưa ra lộ trình chi tiết đầu tiên cho sự phát triển của thị trường, định hướng chiến lược ban đầu và mốc thời gian triển khai.	Giai đoạn 1: Thí điểm (đến năm 2028) Giai đoạn ban đầu này tập trung vào xây dựng hạ tầng cốt lõi, bao gồm thiết lập và vận hành NRS. Phạm vi triển khai sẽ giới hạn ở một số lĩnh vực phát thải lớn để thử nghiệm cơ chế thị trường trên quy mô có thể kiểm soát. Giai đoạn này sẽ được hỗ trợ bởi các chương trình nâng cao năng lực quy mô lớn cho doanh nghiệp tham gia và các cơ quan quản lý.
Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, do Chính phủ ban hành ngày 9 tháng 6 năm 2025, sửa đổi và bổ sung Nghị định số 06/2022/NĐ-CP. Sửa đổi quan trọng này đánh dấu sự chuyển dịch từ giai đoạn khái niệm sang giai đoạn sẵn sàng vận hành. Nghị định làm rõ hạ tầng thị trường cốt lõi, xác định vai trò của CTX và Hệ thống đăng ký quốc gia (NRS), và quy định chi tiết cho giai đoạn thí điểm. Các nội dung chính bao gồm: • Phạm vi lĩnh vực giai đoạn đầu • Cơ chế linh hoạt trong tuân thủ • Khung bù trừ (offsetting framework)	Giai đoạn 2: Vận hành chính thức (từ năm 2029) Sau khi đánh giá toàn diện giai đoạn thí điểm, thị trường sẽ chuyển sang vận hành đầy đủ. Các hoạt động chính gồm: • Triển khai cơ chế đấu giá hạn ngạch • Hoàn thiện khung pháp lý • Mở rộng đối tượng tham gia sang các lĩnh vực bổ sung • Khảo sát cơ hội liên kết thị trường quốc tế

3. Bối cảnh quốc gia và các khuôn khổ liên quan (3)

Khung pháp lý và thể chế cho thị trường các-bon và Sàn giao dịch các-bon (CTX) tại Việt Nam

- **Cơ cấu tổ chức thể chế**

- **MAE:** Cơ quan quản lý môi trường – vận hành NRS, ban hành tiêu chuẩn MRV, phân bổ hạn ngạch, xây dựng phương pháp luận tín chỉ.
- **MOF/SSC:** Cơ quan giám sát tài chính – giám sát hành vi thị trường, chống thao túng và đảm bảo minh bạch.
- **HNX:** Vận hành nền tảng giao dịch CTX.
- **VSDC:** Thực hiện lưu ký, bù trừ và thanh toán.
- **Các bộ quản lý ngành (MOIT, MOC):** Ban hành hướng dẫn MRV theo đặc thù từng lĩnh vực.
- **Hệ sinh thái thị trường:** Các đơn vị phải tuân thủ, các công ty môi giới/nhà đầu tư, tổ chức thẩm định, các nhà phát triển dự án.

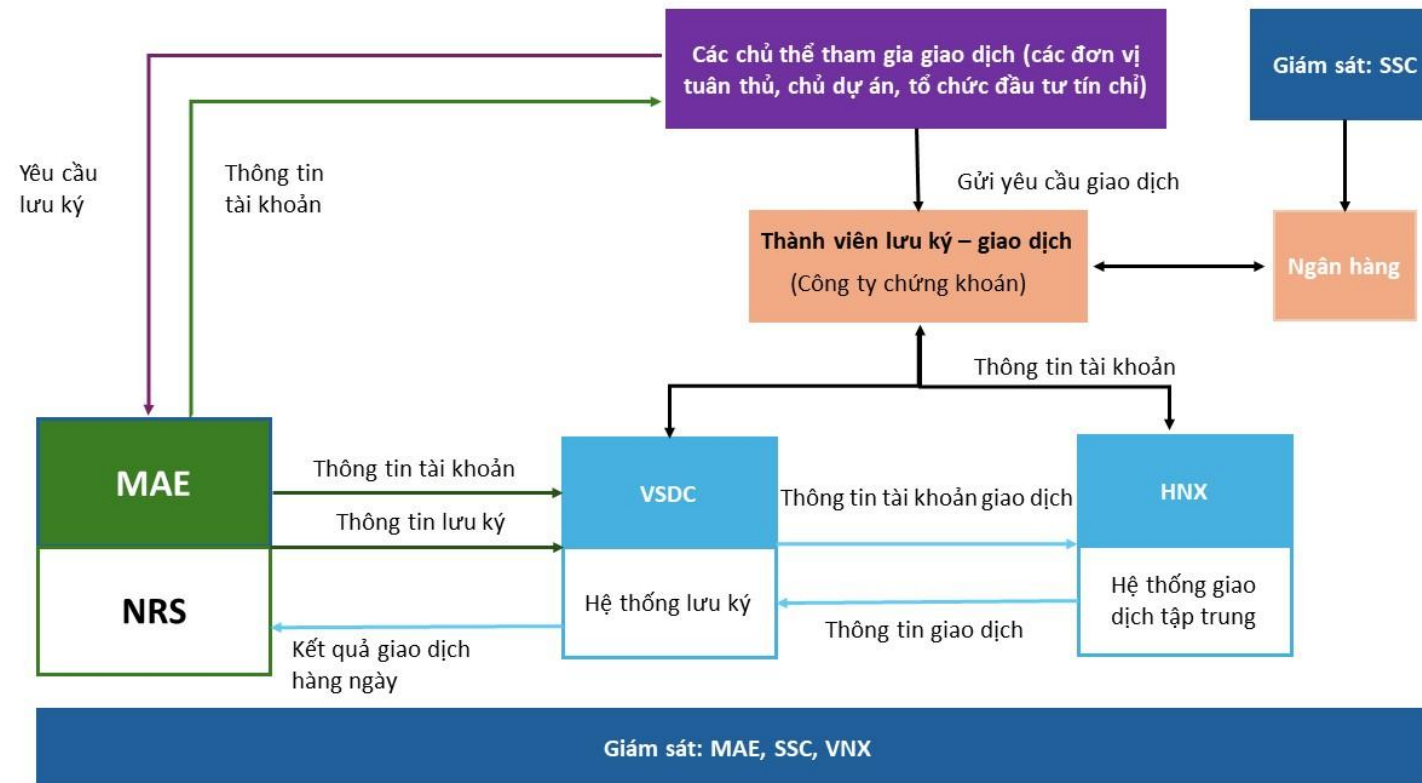
- **Các khó khăn trong triển khai**

- **Bất định pháp lý:** Khái niệm pháp lý của đơn vị các-bon; tiến độ phân bổ hạn ngạch của MAE.
- **Tính toàn vẹn hệ thống:** CTX phụ thuộc hoàn toàn vào NRS – yêu cầu mức độ đồng bộ kỹ thuật cao.
- **Rủi ro thanh khoản:** Phân bổ miễn phí 100% và cơ chế linh hoạt có thể hạn chế giao dịch trong giai đoạn đầu.
- **Phân mảnh trong giám sát:** Sự tham gia của nhiều cơ quan quản lý đòi hỏi phải có **quy chế phối hợp chính thức**.

4. Mô hình vận hành sàn giao dịch các-bon đề xuất trong dự thảo Nghị định (1)

Khung quản trị và hạ tầng kỹ thuật

- Mô hình vận hành được đề xuất cho giai đoạn thí điểm CTX thiết lập một khuôn khổ tận dụng chiến lược hệ thống các thiết chế thị trường tài chính hiện có của Việt Nam.
- Mô hình này được xây dựng trên cấu trúc quản trị hỗn hợp và kiến trúc kỹ thuật tích hợp, nhằm bảo đảm cả tính toàn vẹn môi trường và sự ổn định của thị trường tài chính.



Mô hình vận hành đề xuất cho giai đoạn thí điểm CTX tại Việt Nam

Nguồn: Tư vấn xây dựng trên cơ sở dự thảo Nghị định

4. Mô hình vận hành sàn giao dịch các-bon đề xuất trong dự thảo Nghị định (2)

Khung và quy trình vận hành

1. Lưu ký và Chuyển quyền sở hữu (Depository & Ownership Transfer)

- Đơn vị các-bon phải được **đăng ký tại NRS** (do MAE quản lý) để xác thực và gán mã.
- Sau đó, các đơn vị được **lưu ký tại VSDC** để đủ điều kiện đưa vào giao dịch.
- VSDC thực hiện toàn bộ chức năng lưu ký, **chuyển quyền sở hữu sau khi thanh toán**, và báo cáo hằng ngày cho MAE để cập nhật NRS.

2. Quy trình giao dịch (Trading Procedures)

- Nguyên tắc tiền kiểm (pre-validation): **chủ thể tham gia phải có đủ tiền/đơn vị các-bon trước khi đặt lệnh**.
- Lệnh được gửi thông qua các công ty chứng khoán; giao dịch được **khớp lệnh tại HNX** → kết quả được chuyển sang VSDC để thanh toán.

3. Bù trừ và Thanh toán (Clearing & Settlement)

- Thanh toán thực hiện theo phương thức **RTGS**, trong đó mỗi giao dịch được thanh toán riêng lẻ và ngay lập tức.
- Áp dụng nghiêm ngặt nguyên tắc **DVP – giao chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền**.
- **Không áp dụng cơ chế CCP** trong giai đoạn thí điểm.
- Có quy trình rõ ràng để xử lý trường hợp **thanh toán thất bại** (ví dụ: thiếu tiền hoặc thiếu đơn vị các-bon).

4. Mô hình vận hành sàn giao dịch các-bon đề xuất trong dự thảo Nghị định (3)

Khung giám sát và báo cáo

1. Cấu trúc giám sát quản lý

- **MAE:** Cơ quan giám sát chủ trì; giám sát hoạt động giao dịch, phát hiện hành vi thao túng thị trường, bảo đảm tính toàn vẹn của đơn vị các-bon, và chủ trì các cuộc kiểm tra đối với HNX và VSDC.
- **SSC:** Phối hợp với MAE; cung cấp ý kiến đối với các quy định vận hành và tham gia các cuộc thanh tra, kiểm tra phối hợp.

2. Giám sát thị trường đa tầng

- **Sở giao dịch (VNX/HNX):** Thực hiện giám sát giao dịch theo thời gian thực và báo cáo trực tiếp cho MAE.
- **VSDC:** Giám sát các thành viên lưu ký và bảo đảm tuân thủ các quy định về lưu ký và thanh toán.
- **Thành viên giao dịch:** Tuyển phòng thủ đầu tiên; theo dõi hoạt động của khách hàng và báo cáo các giao dịch đáng ngờ.

3. Báo cáo và công bố thông tin

- **Báo cáo quản lý:** Thành viên → HNX/VSDC → tổng hợp định kỳ và gửi báo cáo lên MAE.
- **Công bố thông tin công khai:** HNX/VSDC công bố dữ liệu giao dịch tổng hợp và các trường hợp vi phạm nhằm bảo đảm tính minh bạch.

4. Mô hình vận hành sàn giao dịch các-bon đề xuất trong dự thảo Nghị định (4)

Khung quản trị rủi ro và ổn định thị trường

1. Kiểm soát rủi ro thanh toán và rủi ro đối tác

- Việc áp dụng **RTGS** kết hợp với nguyên tắc **DVP nghiêm ngặt** loại bỏ rủi ro đối tác tại cấp độ giao dịch.
- Có **quy trình rõ ràng** về hủy giao dịch trong trường hợp thanh toán thất bại (Điều 17).

2. Kiểm soát rủi ro vận hành và rủi ro hành vi

- **MAE** có thể tạm thời đình chỉ hoạt động thị trường khi xảy ra gián đoạn nghiêm trọng (Điều 29–30).
- **VNX và VSDC** có thể đình chỉ/ chấm dứt tư cách thành viên đối với các trường hợp vi phạm; mọi vi phạm phải được **công bố công khai** (Điều 20–25, 32).

3. Bài học tham chiếu quốc tế (International Benchmark Insights)

- Mô hình thí điểm của Việt Nam là **lai (hybrid)**: thận trọng như ETS của Trung Quốc (không có CCP, giao dịch thỏa thuận) nhưng vẫn sẵn sàng cho tương lai nhờ việc cho phép các công ty chứng khoán đóng vai trò trung gian.
- Cần có **lộ trình phát triển rõ ràng**: từ thiết kế đơn giản ban đầu → triển khai đấu giá → giao dịch liên tục → áp dụng cơ chế bình ổn thị trường.

5. Khoảng trống và thách thức (1)

1. Các khoảng trống về quản trị và pháp lý

- **Thiếu cơ chế phối hợp liên cơ quan:** Không có quy trình phối hợp hoặc quy trình xử lý nâng cấp (escalation) trong các tình huống khủng hoảng → nguy cơ phản ứng chậm hoặc kém hiệu quả.
- **Tình trạng pháp lý của đơn vị các-bon chưa rõ ràng:** Chưa được phân loại theo luật dân sự, thương mại hoặc tài chính → dẫn đến bất định trong kế toán, thuế, thế chấp (collateralisation), xử lý khi phá sản và quy trình vận hành HNX-VSDC.

2. Các khoảng trống về thiết kế thị trường và thanh khoản

- **Rủi ro thanh khoản có tính cấu trúc:** Phân bổ 100% miễn phí, mức độ linh hoạt tuân thủ cao (15% vay mượn, 30% offset), và phụ thuộc vào giao dịch thỏa thuận → làm giảm động lực giao dịch.
- **Khoảng trống trong phát hiện giá (price discovery):** Không có hệ thống giao dịch liên tục hoặc công bố giá công khai → giá không minh bạch, tín hiệu lập kế hoạch yếu, sự tham gia của nhà đầu tư hạn chế.
- **Thiếu cơ chế ổn định thị trường:** Không có giá sàn/giá trần, CCR, MSR → dễ bị biến động và mất cân bằng cung-cầu.

3. Các khoảng trống về hệ thống và vận hành

- **Phụ thuộc lớn vào NRS:** Không có SLA ràng buộc về đồng bộ dữ liệu hoặc phản ứng sự cố → tạo điểm lỗi đơn lẻ (single point of failure).
- **Không có hạn mức vị thế hoặc báo cáo nhà giao dịch lớn:** Tăng nguy cơ tập trung thị trường hoặc giữ hàng chiến lược bởi các đơn vị phát thải lớn.
- **Không có biên độ dao động giá hằng ngày:** Thị trường có thể đối mặt với biến động giá cực đoan và không kiểm soát.
- **Thiếu giám sát thị trường chủ động:** Không có cơ chế theo dõi thời gian thực, phát hiện bất thường hoặc hệ thống chế tài theo tăng đối với hành vi lạm dụng thị trường.

5. Khoảng trống và Thức thức (2)

4. Các khoảng trống về minh bạch

- **Không công bố định kỳ dữ liệu thị trường** (giá, khối lượng, tình trạng tuân thủ).
- **Hạn chế khả năng tiếp cận thông tin của công chúng** → làm suy yếu giám sát xã hội, giảm niềm tin thị trường và hạn chế hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng.
- **Thiếu bảng thông tin công khai (public dashboards) và các báo cáo thị trường định kỳ.**

5. Các khoảng trống về năng lực

- **Cơ quan quản lý (MAE, MOF, SSC)** thiếu các kỹ năng chuyên sâu về giám sát thị trường và phát hiện thao túng.
- **HNX và VSDC** cần tăng cường năng lực kỹ thuật về tài sản các-bon và chu kỳ tuân thủ.
- **Các công ty môi giới/trung gian** thiếu kiến thức để tư vấn về rủi ro giao dịch các-bon.
- **Các đơn vị phải tuân thủ** gặp nhiều hạn chế về kế toán khí nhà kính (GHG accounting) và năng lực quản lý rủi ro nội bộ.

6. Khoảng trống về tính bền vững tài chính

- **Chưa có mô hình tài chính dài hạn** cho hoạt động của CTX.
- **Thiếu biểu phí** (phí giao dịch, phí tài khoản, phí phát hành...).
- **Không có cơ chế thu hồi chi phí hoặc tái đầu tư doanh thu** → dễ dẫn đến phụ thuộc vào ngân sách nhà nước và thiếu nguồn lực cho các chức năng thiết yếu (giám sát, công nghệ thông tin, an ninh mạng).

6. Khuyến nghị (1)

Giai đoạn trước khi vận hành và giai đoạn chuẩn bị vận hành (2025 – Quý I/2026) – Công tác chuẩn bị về thể chế, pháp lý và vận hành

1. Hoàn thiện pháp lý và phối hợp thể chế

- Ban hành **Nghị định về Sàn giao dịch các-bon trong nước (CTX)** để chính thức vận hành thị trường.
- **MAE và MOF** ban hành thỏa thuận phối hợp, quy định cơ chế trao đổi dữ liệu, quy trình ứng phó sự cố, và trách nhiệm quản lý đối với giám sát, tuân thủ và báo cáo tài chính.
- Tổ chức **họp liên bộ hằng quý** để rà soát tiến độ CTX và xử lý các vấn đề mới phát sinh.

2. Tích hợp kỹ thuật và bảo đảm sẵn sàng hệ thống

- Hoàn tất việc **tích hợp CTX – NRS – HNX – VSDC** theo đúng Quyết định 1162.
- Ký kết **SLA** giữa MAE, HNX và VSDC về đồng bộ dữ liệu, an ninh mạng và thời gian vận hành hệ thống.
- Thực hiện **diễn tập mô phỏng và kiểm thử sức chịu tải (stress testing)** trước khi thị trường chính thức vận hành.

3. Quy tắc vận hành và quy trình thị trường

- **HNX và MOF**: Xây dựng quy chế đối với thành viên giao dịch và thành viên lưu ký.
- **SSC**: Ban hành quy định áp dụng cho các ngân hàng tham gia.
- **HNX và VSDC**: Phối hợp xây dựng **SOPs** về đăng ký đơn vị, chuyển nhượng, hủy bỏ, và đối soát giữa hệ thống đăng ký và hệ thống thanh toán.
- **MOF**: Ban hành hướng dẫn về **thuế, kế toán và điều kiện tài sản bảo đảm** đối với đơn vị các-bon.

4. Tăng cường năng lực và truyền thông thị trường

- Triển khai **chương trình đào tạo quốc gia (2025–2026)** dành cho cơ quan quản lý, đơn vị vận hành thị trường và các đối tượng phải tuân thủ.
- Thiết lập **cổng thông tin CTX chính thức** do HNX quản lý.
- Tổ chức **các phiên giao dịch thử (mock-trading sessions)** sau khi hệ thống đi vào vận hành nhằm nâng cao mức độ sẵn sàng.

5. Nguồn lực tài chính

- **MOF** bảo đảm nguồn vốn đầu tư công theo **Điều 77 của Luật Đầu tư công năm 2024**.
- Huy động hỗ trợ từ **ETP, ADB và UK PACT** cho phát triển hệ thống, đào tạo và truyền thông.

6. Khuyến nghị (2)

Giai đoạn 2 (2026–2028): Vận hành thí điểm

- **Kiểm thử vận hành** Phân bổ 100% miễn phí; cho phép vay mượn tối đa 15% và sử dụng tín chỉ bù trừ tối đa 30%.
- **Tăng cường thanh khoản** : Xem xét áp dụng biên độ dao động giá $\pm 10\%$, ARP và CCM; nghiên cứu triển khai đấu giá thí điểm (tối đa 10%).
- **Giám sát thị trường**: Phát triển hệ thống giám sát theo thời gian thực; đánh giá hạn mức nắm giữ; tiến hành kiểm thử sức chịu tải (stress tests) và đánh giá an ninh mạng.
- **Minh bạch thông tin**: Xây dựng bảng thông tin công khai với dữ liệu giá/khối lượng hằng ngày; MAE công bố báo cáo tuân thủ hằng quý.
- **Tăng cường năng lực**: Đào tạo nâng cao, diễn tập tuân thủ (mock-compliance drills), hỗ trợ thông qua Help Desk và các hội thảo liên cơ quan.
- **Đánh giá giữa kỳ vào năm 2027**; xây dựng biểu phí cho giai đoạn sau 2028.

Giai đoạn 3 (Bắt đầu từ 2029): Vận hành chính thức và hội nhập quốc tế

- **Thay đổi cách thức phân bổ**: Bắt đầu triển khai đấu giá ($\geq 10\%$); áp dụng phí thành viên và phí giao dịch để bảo đảm tính bền vững tài chính.
- **Ổn định thị trường**: Thể chế hóa ARP, CCM và quy định về hạn mức nắm giữ; cập nhật Nghị định và các Thông tư liên quan.
- **Mở rộng thị trường**: Mở rộng phạm vi điều chỉnh sang các lĩnh vực mới (hóa chất, lọc – hóa dầu, vận tải); cho phép sử dụng tín chỉ tự nguyện trong nước có chất lượng cao.
- **Hội nhập quốc tế** : Thúc đẩy hài hòa song phương, thí điểm chuyển giao theo Điều 6.2, và hướng tới khả năng liên thông trong ASEAN.
- **Đánh giá năm 2030** nhằm phục vụ xây dựng **Kế hoạch Tổng thể Thị trường Các-bon giai đoạn 2031–2035**.

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN!

